

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGỌC HIỂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 30 - 8 - 2024  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Phước.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Xuân Thành.
- Ông Nguyễn Minh Dương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thành Thật là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc N, sinh năm 1983 (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện N, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 24/5/2024, cùng các văn bản khác kèm theo nguyên đơn là bà Trần Thị Ngọc N trình bày:*

Về hôn nhân, bà (Trần Thị Ngọc N) và ông Nguyễn Ngọc T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời

gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, về sau vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình cả hai không còn phù hợp. Gia đình hai bên có hoà giải, hàn gắn nhiều lần nhưng không mang lại kết quả. Bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, mâu thuẫn đã trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T. Về con chung có 02 người tên là Nguyễn Chí N (giới tính nam), sinh ngày 24/3/2004 và Nguyễn Ngọc T (giới tính nữ), sinh ngày 28/4/2007. Đối với Nguyễn Chí N đã đủ 18 tuổi, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng Nguyễn Ngọc T có nguyện vọng muốn chung sống với bà, bà yêu cầu tiếp tục nuôi Nguyễn Ngọc T, không đặt ra vấn đề yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Ngọc T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ để Toà án xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Bà Trần Thị Ngọc N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là bà Trần Thị Ngọc N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

Bị đơn là ông Nguyễn Ngọc T vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[2]. Xét về hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc N và ông Nguyễn Ngọc T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2003 đến nay không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm mà không thể hàn gắn, không thể tiếp tục chung sống nên bà Trần Thị Ngọc N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T. Ông Nguyễn Ngọc T vắng mặt nhiều lần không cung cấp lời khai, chứng cứ để Tòa án xem xét. Do hôn nhân giữa bà Trần Thị Ngọc N và ông Nguyễn Ngọc T vi phạm quy định về đăng ký kết hôn. Căn cứ vào các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân giữa bà Trần Thị Ngọc N và ông Nguyễn Ngọc T không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, bà Trần Thị Ngọc N và ông Nguyễn Ngọc T không được công nhận là vợ chồng.

[3]. Về con chung có 02 người tên là Nguyễn Chí N (giới tính nam), sinh ngày 24/3/2004 và Nguyễn Ngọc T (giới tính nữ), sinh ngày 28/4/2007 hiện tại do bà Trần Thị Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng, bà Trần Thị Ngọc N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét thấy, Nguyễn Chí N hiện đủ 18 tuổi có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không đặt ra xem xét. Đối với Nguyễn Ngọc T hiện chưa đủ 18 tuổi, có ý kiến nguyện vọng được sống với mẹ là bà Trần Thị Ngọc N, do đó cần phải xem xét theo nguyện vọng của Nguyễn Ngọc T theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Nguyễn Ngọc T cho bà Trần Thị Ngọc N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Ngọc N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Trần Thị Ngọc N phải chịu chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị Ngọc N và ông Nguyễn Ngọc T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Ngọc T (giới tính nữ), sinh ngày 28/4/2007 cho bà Trần Thị Ngọc N chịu trách nhiệm tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi Nguyễn Ngọc T đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Trần Thị Ngọc N đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014018, ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiến;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiến;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Phước**